

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 6 - 2018

V/v: “Xin ly hôn; tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quy; Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/01/2018 về việc “Xin ly hôn; tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị HOÀNG THỊ H - sinh năm 1988.

Địa chỉ: tổ 11, ấp 2, xã T, huyện Q, tỉnh Đ

- *Bị đơn:* Anh DƯƠNG VĂN T - sinh năm 1986.

Địa chỉ: tổ 14, ấp 3, xã T, huyện Q, tỉnh Đ.

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2018, bản tự khai ngày 29/01/2018, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Năm 2009, chị và anh T tìm hiểu nhau yêu thương nhau; đến ngày 28/12/2009, chị và anh T đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Đ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 308.

Sau khi kết hôn, cuộc sống của vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vì vợ chồng có 02 con nhỏ và mọi gánh nặng kinh tế, tình cảm chị phải tự gánh vác còn anh T thì thờ ơ, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu, đánh bạc (chơi đề) dẫn đến nợ nần nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau ngày càng gay gắt và mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Anh T nhiều lần hứa sửa đổi nhưng không thay đổi gì; đến nay tình cảm vợ chồng đã hết, chị không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Dương Văn T.

Chị và anh T có 02 con chung là Dương Quốc V – sinh ngày 07/9/2010, Dương Thảo L – sinh ngày 18/10/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 01/02/2018, biên bản ghi lời khai ngày 01/02/2018, bị đơn anh Dương Văn T trình bày:*

Anh đồng ý với trình bày của chị H về quá trình kết hôn và các thông tin về con chung. Tuy nhiên anh xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh đi làm xa, ít về nhà nhưng khi về thì anh phát hiện chị H nhắn tin có nội dung thân mật với người khác nên lúc uống rượu không kiềm được tức giận đã cầm dao hù dọa chị H, từ đó chị H dọn ra ngoài ở riêng. Sau đó, anh nhiều lần nhắn tin xin lỗi chị H và hứa sẽ làm người chồng tốt nhưng chị H không chấp nhận. Do phải đi làm xa nên anh ít có điều kiện gần gũi vợ con để hòa giải, hàn gắn tình cảm. Nay anh vẫn còn tình cảm nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

Nếu phải ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ.

Vợ chồng anh không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Về con chung: Qua chứng cứ thu thập được thì chị H có đủ điều kiện nuôi con chung nên đề nghị giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Tài sản các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí hôn nhân nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Dương Văn T cư trú tại tổ 14, ấp 3, xã T, huyện Q, tỉnh Đ nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Q có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[2] Về tư cách đương sự: Chị Hoàng Thị H khởi kiện xin ly hôn với anh Dương Văn T nên chị H là nguyên đơn, anh T là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự

[4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn anh Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Vương.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Dương Văn T tự nguyện kết hôn, hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được công nhận là hợp pháp.

Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh T đã xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn nhưng cả hai người không đưa ra giải pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình mà tự chấm dứt cuộc sống chung. Tại Điều của 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Tuy nhiên, kể từ năm 2015 đến nay, chị H, anh T không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng mà bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Qua xác minh tại địa phương (bút lục 41, 42) thể hiện quá trình sống chung vợ chồng chị H và anh T thường cãi vã, xô xát nhau.

Tòa án đã nhiều lần mời anh T đến để hòa giải, hàn gắn tình cảm cho hai người nhưng anh T không chấp hành; điều đó thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng; cuộc sống chung không còn; mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Hoàng Thị H xin ly hôn với anh Dương Văn T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên nên được Tòa án chấp nhận.

Con chung giữa chị Hoàng Thị H và anh Dương Văn T là cháu Dương Quốc V – sinh ngày 07/9/2010 và cháu Dương Thảo L – sinh ngày 18/10/2014; cả hai cháu đều đang sống chung với chị H.

Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị H là người có đạo đức, nhân cách tốt; Có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Từ khi vợ chồng chị H mâu thuẫn phải sống ly thân thì chị H chăm sóc con chu đáo... Những sự việc này đều có xác nhận của tổ 11, ấp 2, xã T, huyện Q, tỉnh Đ - nơi chị H cư trú và thể hiện trong sổ liên lạc của các cháu. Điều này là cơ sở tin cậy để Hội đồng xét xử khẳng định: nếu tiếp tục giao cháu V, cháu L cho chị H nuôi thì các con chung sẽ tiếp tục được chăm sóc tốt, phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục giao cháu V, cháu L cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chung anh T, chị H có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

Về tài sản chung, nợ chung: Do chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Hoàng Thị H và bị đơn anh Dương Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Quốc V – sinh ngày 07/9/2010 và cháu Dương Thảo L – sinh ngày 18/10/2014 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Dương Văn T do chị Hoàng Thị H không yêu cầu.

Anh T có quyền thăm chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh T và chị H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng. Chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 004693 ngày 24/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Hoàng Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

Lê Xuân Hòa